

PHỤ LỤC 01
THỐNG KÊ MỨC CHI CÁC TỈNH BAN HÀNH CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC BỘ PHẬN MỘT CỬA
(Đính kèm Báo cáo số: /BC-STC ngày tháng năm 2026 của Sở Tài chính thành phố Cần Thơ)

Đvt: Đồng

STT	Tỉnh	Phụ cấp		Đồng phục	Ghi chú
		Cấp tỉnh	Cấp xã		
1	Quảng Ngãi	1.600.000	800.000		Nghị quyết 36/NQ-HĐND năm 2025 áp dụng Nghị quyết 35/2022/NQ-HĐND tỉnh Quảng Ngãi (cũ)
2	Ninh Bình	2.000.000	600.000	4.500.000	Nghị quyết 13/NQ-HĐND năm 2025 áp dụng và bãi bỏ nội dung Nghị quyết 47/2021/NQ-HĐND (chế độ cấp đồng phục không áp dụng cho các đối tượng đã được cấp trang phục riêng của ngành)
3	Lai Châu	1.000.000	700.000	3.000.000	Nghị quyết 69/2025/NQ-HĐND (chế độ cấp đồng phục không áp dụng cho các đối tượng đã được cấp trang phục riêng của ngành)
4	Thành phố Hồ Chí Minh	2.000.000	2.000.000	5.000.000	áp dụng Nghị quyết 28/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh Bình Dương
5	Nghệ An	2.000.000	1.200.000	3.000.000	Nghị quyết số 44/2025/NQ-HĐND ngày 12/12/2025 của HĐND tỉnh Nghệ An
6	Tỉnh Đồng Nai	1.760.000	1.760.000	2.000.000	Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai
7	Tỉnh Hưng Yên	1.700.000	1.700.000	3.000.000	Nghị quyết số 770/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Hưng Yên
8	Tỉnh Lai Châu	1.000.000	700.000	3.000.000	Nghị quyết số 69/2025/NQ-HĐND ngày 26/9/2025 của HĐND tỉnh Lai Châu
9	Hậu Giang cũ	300.000	300.000	2.100.000	Đã bãi bỏ
10	Bạc Liêu cũ	300.000	300.000		Đã bãi bỏ
11	Cần Thơ cũ			700.000	Mỗi cơ quan tự quyết định mức hỗ trợ hàng tháng từ nguồn kinh phí thực hiện tự chủ